TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2-CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày 02-8-2025.
V/v: Tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thu Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Bùi Thanh Hà**.

2. Ông **Hồ Minh Khương.**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Linh Chi**- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Cần Thơ.

Ngày 02 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Mai Thúy T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu vực 5, phường C, quận M, TP Cần Thơ (nay là: Khu vực 5, phường M, TP Cần Thơ) *Có đơn xin vắng mặt.*

- Bị đơn: Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu vực 5, phường C, quận M, TP Cần Thơ (nay là: Khu vực 5, phường M, TP Cần Thơ) *Có đơn xin vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/2/2025, trình bày của các đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2005, chị Mai Thúy T và anh Lê Văn H tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình đồng ý đứng ra tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết

hôn tại ủy ban nhân dân phường Châu Văn Liêm, quận M, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống có 02 người con chung họ và tên là Lê Văn P, sinh ngày 04/11/2006 và Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 04/10/2005, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng đầu năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên bất hòa về tình cảm, kinh tế gia đình, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên Chị Tyêu cầu xin ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Chị T tự xác định có 02 người con chung, họ và tên là Lê Văn P, sinh ngày 04/11/2006 và Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 04/10/2005, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị T tự xác định không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 3/6/2025, 13/7/2025, Bị đơn- anh Lê Văn H trình bày:

Anh xác định quá trình chung sống cũng như thời gian kết hôn như Chị Tđã trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bất hòa tình cảm và kinh tế, đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả, đến nay không thể chịu đựng thêm nữa nên anh Hồ đồng ý ly hôn với chị Tuyết.

Về con chung: Anh H tự xác định có 02 người con chung họ và tên Lê Văn P, sinh ngày 04/11/2006 và Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 04/10/2005, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do các đương sự có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn chị Mai Thúy T yêu cầu xin ly hôn với bị đơn anh Lê Văn H. Bị đơn đăng ký thường trú và sinh sống tại khu vực 05, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ. Đây là vụ án Hôn nhân & Gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh Hồ đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND phường C, quận M, thành phố Cần Thơ, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] *Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Hội đồng xét xử nhận thấy, thời gian vợ chồng chung sống với nhau nhưng đã phát sinh mâu thuẫn mà cả hai bên đương sự đều không có giải pháp để đoàn tụ, cả hai đều yêu cầu giải quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc Chị T yêu cầu giải quyết ly hôn và anh Hồ đồng ý ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 55 Luật Hôn nhân - Gia đình nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn của hai anh chị.

[4] *Xét về con chung*: Chị T và anh Hồ tự xác định có 02 người con chung họ và tên là Lê Văn P, sinh ngày 04/11/2006 và Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 04/10/2005, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết

[5] *Về Tài sản chung, Về Nợ chung:* Các đương sự xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Do đó, về tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu và theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

[6] *Án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, do anh H và chị T thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa nên chịu 50% án phí là 150.000 đồng (mỗi người chịu 25%, do đó Chị T phải chịu 75.000 đồng, anh Tiếp phải chịu 75.000 đồng)

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, 53, 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025.

Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025.

Điểm a khoản 2 Điều 11, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ghi nhận chị Mai Thúy T và anh Lê Văn H thuận tình ly hôn.

2. *Về con chung*: Chị T, anh H tự xác định có 02 con chung họ và tên Lê Văn P, sinh ngày 04/11/2006 và Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 04/10/2005, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị T, anh H xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên đương sự có yêu cầu và theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

4. *Về án phí vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm:*

Chị Mai Thúy T phải chịu là 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm ngàn đồng)*, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Chị Tđã nộp theo biên lai 0002456 ngày 06/5/2025 của Chi cục thi hành án Quận M, thành phố Cần Thơ, Chị T được nhận lại 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng)*.

Anh Lê Văn H phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm ngàn đồng)*

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2- Cần Thơ;
- Phòng thi hành án khu vực 2;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND Phường M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Thị Thu Hiền